



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Tỉnh Kiên Giang

Số 59

Ngày 06 tháng 12 năm 2024

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

15-11-2024	Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	02
18-11-2024	Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	06
18-11-2024	Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND bổ sung khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.	09

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2024/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 18 tháng 11 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT****Quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số  
sinh sống trên địa bàn tỉnh Kiên Giang****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 372/TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-BDT ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước thực hiện quyền hạn và trách nhiệm đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai, thực hiện nhiệm vụ thống nhất quản lý nhà nước về đất đai.

b) Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

c) Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

d) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

đ) Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai; công tác dân tộc.

### **Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Cá nhân được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải sinh sống và thường trú tại địa bàn cấp huyện nơi có đất được giao, được chuyển mục đích sử dụng đất, được cho thuê; chưa được nhận hỗ trợ về đất đai từ các chương trình, chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Việc bố trí quỹ đất sinh hoạt cộng đồng và giao đất, cho thuê đất được căn cứ vào điều kiện quỹ đất hiện có của từng địa bàn cấp huyện.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

5. Các đối tượng được hỗ trợ về đất đai phải sử dụng đúng mục đích được nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số**

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương phải ưu tiên đảm bảo quỹ đất đủ tiêu chuẩn, định mức theo quy định và phải xác định chỉ tiêu sử dụng đất sinh hoạt cộng

đồng trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện để xây dựng nơi sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **Điều 4. Chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

1. Cá nhân không có đất ở thì được Nhà nước xem xét giao đất ở trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và được miễn tiền sử dụng đất. Việc giao đất ở phải gắn với phương án làm nhà ở trên phần diện tích được giao.

2. Cá nhân nếu có nhu cầu thì được Nhà nước xem xét cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và được miễn tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân không có đất nông nghiệp thì được Nhà nước xem xét giao đất nông nghiệp trong hạn mức quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 176 Luật Đất đai và không thu tiền sử dụng đất.

4. Cá nhân nếu có nhu cầu thì Nhà nước xem xét cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh theo diện tích phù hợp với quỹ đất của địa phương và ngành nghề sản xuất, kinh doanh, trong đó được giảm 50% tiền thuê đất cho diện tích tối đa không quá 300 m<sup>2</sup> đối với khu vực nông thôn (xã) và tối đa không quá 200 m<sup>2</sup> đối với khu vực đô thị (phường, thị trấn).

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí và quỹ đất thực hiện chính sách**

1. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, trường hợp địa phương không tự cân đối được ngân sách thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Quỹ đất để thực hiện chính sách theo Nghị quyết này được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 của Luật Đất đai.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa X, Kỳ họp thứ Hai mươi tám thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 11 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Mai Văn Huỳnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 19/2024/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 18 tháng 11 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng  
nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6  
năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,  
Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15,  
Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã  
hội;*

*Xét Tờ trình số 364/TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 107/BC-BKTNS ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội bằng nguồn vốn tài chính công đoàn, vốn ngoài đầu tư công theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 84 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

b) Chủ đầu tư xây dựng nhà ở thương mại trực tiếp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trong phạm vi quỹ đất dành để thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 3 Điều 84 Luật Nhà ở.

c) Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

### **Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

Đối với kinh phí hỗ trợ xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này được xem xét hỗ trợ sau khi đã thực hiện đầu tư xây dựng, được nghiệm thu hoàn thành đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật về xây dựng và được cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra sự phù hợp của việc xác định giá trị thực hiện của chủ đầu tư theo quy định. Trường hợp dự án có phân kỳ giai đoạn đầu tư thì được xem xét hỗ trợ theo phân kỳ giai đoạn của dự án theo nguyên tắc nghiệm thu hoàn thành của từng giai đoạn.

### **Điều 3. Mức hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ**

1. Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án nhà ở xã hội trừ hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên trong tòa nhà, nhưng không quá 5,0 tỷ đồng/dự án.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa X, kỳ họp thứ Hai mươi tám thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 11 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Mai Văn Huỳnh**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2024/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 18 tháng 11 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Bổ sung khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 13/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG  
KHOÁ X, KỶ HỌP THỨ HAI MƯƠI TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 năm 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;*

*Xét Tờ trình số 354/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết bổ sung khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-BVHXXH ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Bổ sung khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

“3. Thời gian thực hiện: Mức chi này được áp dụng từ ngày 10 tháng 3 năm 2021 kể từ ngày Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số có hiệu lực thi hành.”.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Hội đồng nhân dân giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khóa X, Kỳ họp thứ Hai mươi tám thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 11 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH***(Đã ký)***Mai Văn Huỳnh**

---

---

**VĂN PHÒNG UBND TỈNH KIÊN GIANG XUẤT BẢN**

Địa chỉ: 06 Nguyễn Công Trứ, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang;

Điện thoại: 02973.862.135;

Fax: 0297.3862687;

Email: [congbao@kiengiang.gov.vn](mailto:congbao@kiengiang.gov.vn);

Website: <http://congbao.kiengiang.gov.vn>;